

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI (HDI) VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

Đặng Thị Kim Thoa*

Ngày nhận: 21/6/2014

Ngày nhận bản sửa: 20/7/2014

Ngày duyệt đăng: 25/7/2014

Phát triển con người toàn diện là một trong những quan điểm cơ bản không thể thiếu để bảo đảm tính nhân văn và tính hiện thực của xã hội mới (Nguyễn Thị Nga, 2011). Báo cáo phát triển con người của UNDP năm 1990, lần đầu tiên đưa ra một phương pháp mới để đánh giá tổng hợp trình độ phát triển con người, đó là Chỉ số phát triển con người (HDI). HDI là một chỉ số đo lường thống nhất các mục tiêu kinh tế - xã hội cần đạt được và phản ánh toàn bộ các khía cạnh của cuộc sống. HDI phản ánh mức độ trung bình đạt được của một nước về các năng lực cơ bản của con người đồng thời xác định liệu con người có được một cuộc sống trường thọ và khỏe mạnh, được giáo dục và trang bị kiến thức và được hưởng một mức sống tử tế hay không. Bài viết trình bày rõ bản chất của chỉ số HDI, nội dung, cách xác định đồng thời phân tích chỉ số này ở Việt Nam trong mối quan hệ với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Từ khóa: Phát triển con người, chỉ số phát triển con người (HDI)

1. Đặt vấn đề

Con người là vốn quý của xã hội, giữ vai trò vừa là chủ thể, vừa là sản phẩm của tiến trình cải biến tự nhiên và xã hội. Nguồn lực con người được xem xét, dự tính như một tiềm năng, một điều kiện cần và có thể phát huy thành động lực cho quá trình phát triển xã hội. Phát triển con người chính là nhằm gia tăng các giá trị về tinh thần, đạo đức, tâm hồn, trí tuệ, kỹ năng lẫn thể chất cho con người, làm cho con người trở thành người lao động có những năng lực và phẩm chất cần thiết, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội.

Ở Việt Nam, đường lối đổi mới đất nước bắt đầu từ Đại hội VI đã nhận thức ngày càng đầy đủ vai trò động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội là con người. Chính con người với sức lực và trí tuệ của mình là nhân tố quyết định hiệu quả của việc khai

thức nguồn lực tự nhiên và các nguồn lực khác. Vấn đề then chốt là phải có chủ trương đúng đắn nhằm khơi dậy mọi tiềm năng tích cực, năng động, sáng tạo của nhân tố con người, đồng thời hướng những tiềm năng đó đi đúng quy luật.

Từ năm 1990, để đánh giá mức độ phát triển con người của một quốc gia, UNDP đã đưa ra chỉ số phát triển con người (Human Development Index-HDI) dựa trên 3 tiêu chí: sức khỏe (đo bằng tuổi thọ trung bình); tri thức (đo bằng tỉ lệ số người lớn biết chữ và tỉ lệ nhập học các cấp giáo dục) và thu nhập (mức sống đo bằng GDP bình quân đầu người). Việc đo lường và phân tích chỉ số này giúp tạo ra cái nhìn tổng quát về sự phát triển của một quốc gia, đồng thời cho thấy sự tiến bộ hay tụt hậu của một quốc gia trong phát triển con người, từ đó tìm ra nguyên nhân và đề xuất những hướng giải pháp

khắc phục. Bài viết đánh giá thực trạng phát triển con người thông qua chỉ số HDI, từ đó đưa ra những khuyến nghị chính sách nhằm phát triển con người ở Việt Nam.

2. Phát triển con người và chỉ số đo lường HDI

Theo báo cáo phát triển con người (HDR) được xuất bản lần đầu tiên năm 1990 của UNDP, phát triển con người là quá trình tăng cường các năng lực lựa chọn và mở rộng các cơ hội lựa chọn cho con người (UNDP, 1990). Về nguyên tắc, những sự lựa chọn này là vô hạn và có thể thay đổi theo thời gian. Tuy nhiên, ở các cấp độ phát triển, con người cần có ba khả năng cơ bản: có cuộc sống trường thọ, khỏe mạnh; được hiểu biết và có được các nguồn lực cần thiết cho một mức sống tốt. Nhưng phát triển con người không dừng lại ở đó. Sự lựa chọn của con người được đánh giá cao bao gồm sự tự do kinh tế, xã hội, chính trị để con người có được các cơ hội trở thành người lao động sáng tạo, có năng suất, được tôn trọng cá nhân và được đảm bảo quyền con người.

Khái niệm phát triển con người có lịch sử phát triển khá dài nhưng nguyên tắc chính vẫn giữ nguyên: con người là của cải của một quốc gia, và sự phát triển, quyền tự do, khả năng và sự lựa chọn của con người là mục tiêu cuối cùng của quá trình phát triển (UNDP, 1990). Việc đánh giá đúng về mức độ phát triển của một quốc gia không phải là tốc độ tăng GDP hay tổng thu nhập gia tăng mà chính là phát triển con người. Đó là mức độ mà tất cả mọi người có thể phát triển và thể hiện các khả năng và lựa chọn của họ và có tiếng nói trong các quyết định có ảnh hưởng tới cuộc sống của mình. Giai đoạn phát triển của một quốc gia được đánh giá thông qua mức độ mà tất cả mọi người dân có thể cải thiện sức khỏe, mức độ học vấn, phúc lợi và mức sống. Đồng thời, giai đoạn phát triển cũng được đánh giá dựa trên những cơ hội được tạo ra để mọi người lựa chọn cách sống phù hợp với những gì họ mong muốn và coi trọng. (*Dịch vụ xã hội phục vụ phát triển con người: Báo cáo quốc gia về phát triển con người năm 2011*, 2012)

Đề đo lường tiên bộ trong phát triển theo cách không chỉ dựa vào tăng trưởng thu nhập hay GDP, các báo cáo phát triển con người đã đưa chỉ số phát triển con người (Human Development Index – HDI). Đây là thước đo tổng hợp về y tế, giáo dục và thu nhập được thiết kế để đánh giá mức độ và tiến bộ về phát triển con người theo nghĩa rộng hơn. Ba khía

chánh của HDI liên quan đến một hay một số khả năng mà người ta có thể nắm bắt được. *Tuổi thọ* thể hiện khả năng có một cuộc sống lâu dài và khỏe mạnh; *Đạt được giáo dục* thể hiện khả năng có được kiến thức, giao tiếp và tham gia vào đời sống cộng đồng; *Tiếp cận các nguồn lực* cần thiết cho việc có được mức sống tốt thể hiện khả năng đạt được cuộc sống mạnh khỏe, đảm bảo tính năng động về thể chất và xã hội, giao tiếp và tham gia vào đời sống cộng đồng.

Trước báo cáo phát triển con người năm 2010, UNDP đã sử dụng một phương pháp tính, theo đó HDI là trung bình cộng của ba chỉ số bộ phận. Tuy nhiên, trong báo cáo phát triển con người 2010, đi đôi với sự thay đổi một số yếu tố bộ phận trong HDI, phương pháp tính này cũng có sự thay đổi phù hợp và bảo đảm tính chính xác hơn của chỉ số này (UNDP, 2010, trích dẫn trong Ngô Thắng Lợi, 2012).

Bước 1: Thiết lập chỉ số thành phần cho mỗi loại phương diện, bao gồm: chỉ số thu nhập (I_w), chỉ số tuổi thọ (I_A) và chỉ số giáo dục (I_E).

Các chỉ số được tính theo công thức:

$$\text{Chỉ số} = \frac{\text{Giá trị thực tế} - \text{Giá trị nhỏ nhất}}{\text{Giá trị lớn nhất} - \text{Giá trị nhỏ nhất}} \quad (1)$$

Giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất được lập ra để các chỉ số biến đổi chạy giữa 0 và 1. Bởi vì nó là chỉ số tổng hợp nên giá trị lớn nhất không được ảnh hưởng đến việc so sánh tương đối giữa hai hay nhiều quốc gia hoặc giữa các giai đoạn khác nhau. Giá trị lớn nhất được thiết lập tuân theo các giá trị lớn nhất thực tế của chỉ số từ các quốc gia trong các năm từ 1980-2010. Giá trị lớn nhất sẽ ảnh hưởng đến công việc so sánh nên vì thế mà các giá trị này được lấy xấp xỉ với giá trị mức vừa đủ hoặc những giá trị tự nhiên thấp nhất. Sự phát triển vì thế được đo lường nhằm tránh cấp độ thấp nhất mà xã hội cần để tồn tại theo thời gian. Giá trị nhỏ nhất được lập: 20 năm cho tuổi thọ, 0 cho 2 biến về giáo dục và 163 USD/người-GNI.

Khi tính chỉ số giáo dục, công thức (1) được áp dụng tính cho cả 2 thành phần phụ (số năm đến trường thực tế và số năm đến trường kỳ vọng), cuối cùng, công thức (1) lại được áp dụng lại để tính chỉ số giáo dục, cụ thể là:

$$I_E = \frac{\sqrt{\text{Chỉ số năm thực tế đến trường} \times \text{Chỉ số năm xem xét đến trường} - 0}}{\text{Giá trị lớn nhất} - \text{Giá trị nhỏ nhất}} \quad (2)$$

Sử dụng 0 làm giá trị nhỏ nhất và giá trị lớn nhất là giá trị cao nhất trong tổng hợp chỉ số giáo dục (trong bảng là 0.951) trong các năm của các nước. Kết quả được 1 số tương đương khi áp dụng công thức 1 để tính giá trị từ 2 chỉ số phụ.

Khi tính với chỉ số thu nhập, bởi mỗi chỉ số là 1 số mang tính chất đại diện cho khả năng xảy ra của chỉ tiêu này, hàm chuyển đổi từ thu nhập tới các khả năng là hàm lõm, vì thế mà khi tính ta sử dụng logarit đối với các chỉ số thực tế, giá trị lớn nhất và nhỏ nhất.

$$I_{W(i)} = \frac{\ln W_i - \ln W_{\min}}{\ln W_{\max} - \ln W_{\min}} \quad (3)$$

Bước 2: Tổng hợp các chỉ số thành phần để tính HDI:

HDI là tổng hợp của 3 chỉ số và được tính theo công thức sau đây:

$$HDI = I_A^{1/3} \cdot I_E^{1/3} \cdot I_W^{1/3}$$

Tác dụng chính của HDI là kiểm soát và đánh giá, so sánh trình độ phát triển con người giữa các quốc gia với nhau cũng như đánh giá sự phát triển con người theo thời gian. Trên cơ sở đó, chính phủ các nước có thể xác định các trọng điểm cần ưu tiên để thực hiện sự can thiệp bằng các chính sách cụ thể nhằm cải thiện sự tiến bộ xã hội, nâng cao trình độ phát triển con người. HDI tính theo phương pháp chỉ số và được xác định bằng những con số trong khoảng từ 0 đến 1. HDI càng gần giá trị của 1 chứng tỏ trình độ phát triển con người càng cao và ngược lại.

Tuy nhiên, nếu phát triển con người là quá trình mở rộng sự lựa chọn thì có thể không có sự giới hạn, không có điểm cao nhất. Chỉ số này có thể được coi như một sự đo lường khả năng con người được sống một cuộc sống lâu dài và khỏe mạnh, được giao tiếp và tham gia vào cuộc sống của cộng đồng và có đầy đủ nguồn lực để có được một cuộc sống tốt. Đây chỉ là một chỉ số đo lường tối thiểu. Đối với những nước

có chỉ số HDI cao thì người ta sẽ quan tâm đến những chiều cạnh khác có ảnh hưởng tới sự phát triển con người. Bên cạnh ba hợp phần và các chỉ báo được đo lường trong chỉ số HDI, đôi khi một số chỉ báo khác cũng được đề xuất để đo lường như các chỉ số về xã hội, về văn hóa, về quyền con người và tự do con người, v.v... Đối với các *chỉ số xã hội*, trong HDI, nó được thể hiện một phần qua các chỉ số về là tuổi thọ, tỷ lệ người lớn biết chữ và số năm đi học trung bình. Đôi khi, một số chỉ số khác cũng được đề xuất thêm như tỷ lệ tỷ lệ trẻ sơ sinh và trẻ em tử vong, mức độ dinh dưỡng, thất nghiệp. Một số chiều cạnh mới cũng được đề xuất bên ngoài các chỉ báo kinh tế và xã hội, đó là các *chỉ số về văn hóa*. Mặc dù các yếu tố văn hóa cũng được xem xét nhưng do văn hóa quá đa dạng, đặc thù đối với mỗi quốc gia nên rất khó để có thể lượng hóa. Vì vậy, việc xây dựng nên một chỉ số tổng hợp về văn hóa đo lường phát triển con người chung cho các quốc gia là điều chưa thể được thực hiện.

3. Thực trạng phát triển con người của Việt Nam qua chỉ số HDI một số năm gần đây

Trong thời gian qua, cùng với quá trình đổi mới về kinh tế và những thành tựu quan trọng đạt được trong lĩnh vực này, trình độ phát triển con người của Việt Nam cũng có những tiến bộ. Bức tranh toàn cảnh về phát triển con người của Việt Nam có thể được mô tả một cách tổng quát như sau:

3.1 HDI của Việt Nam đang có xu hướng tăng nhưng với tốc độ chậm

Như vậy, HDI của Việt Nam có xu hướng gia tăng từ 0,407 năm 1990 lên đến 0,617 năm 2012; tăng 0,21 điểm. Tuy nhiên, tốc độ tăng đang có xu hướng chậm lại, giai đoạn 1990-2000 tăng 0,098 điểm; giai đoạn 2000-2005 tăng 0,035 điểm; đến giai đoạn 2006-2010 chỉ tăng có 0,025 điểm và năm 2011-2012 chỉ tăng 0,024 điểm. Điều tương tự như vậy cũng diễn ra với các nước khác. Rõ ràng, việc cải thiện chỉ số này không đơn giản. Càng lên cao, việc cải thiện chỉ số này càng khó khăn hơn.

Bảng 1: HDI của Việt Nam và 1 số nước trong khu vực giai đoạn 1990-2012

	1990	2000	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Việt Nam	0,407	0,505	0,54	0,547	0,554	0,56	0,566	0,572	0,593	0,617
Indonesia	0,458	0,500	0,561	0,568	0,580	0,588	0,593	0,600	0,671	0,629
Thái Lan	0,546	0,600	0,631	0,637	0,642	0,646	0,648	0,654	0,682	0,690
Trung Quốc	0,46	0,567	0,616	0,627	0,639	0,648	0,655	0,663	0,697	0,699

Nguồn: Ngô Thắng Lợi (2012), UNDP (2011) và UNDP (2013)

3.2. HDI của Việt Nam được xếp hạng ở vị trí trung bình thấp

Chỉ số HDI của Việt Nam có sự thay đổi đáng kể nhờ phát triển kinh tế lẫn việc cung cấp dịch vụ công. Kết quả khảo sát cho thấy tuổi thọ trung bình của người Việt tăng lên 75,4 tuổi. Số năm đi học dự đoán của người dân là 11,9 năm và mức thu nhập bình quân đầu người là 2,970 USD. Với mức tăng 41% trong 2 thập kỷ qua, Việt Nam đứng thứ 127/187 quốc gia về trình độ phát triển con người, được xếp trong nhóm 40 nước đang phát triển đạt được những tiến bộ hơn cả mong đợi về phát triển con người trong những năm gần đây (UNDP, 2013). Đây là mức xếp loại trung bình thấp và thấp hơn phần lớn các nước trong khu vực Đông Nam Á (chỉ cao hơn Lào và Cam-pu-chia). Với phép trừ thứ hạng xếp loại theo thu nhập bình quân đầu người cho thứ hạng HDI, Việt Nam hiện nhận giá trị +9 (136-127), cho thấy Việt Nam vẫn là quốc gia thực hiện sự lan tỏa tốt của tăng trưởng kinh tế đến phát triển con người, đặc biệt là đến y tế, chăm sóc sức khỏe. Tuy vậy, với mức chênh lệch về thứ hạng của hai tiêu chí này (+9), cho thấy: (i) so với những năm

trước, giá trị này bị giảm đi đáng kể: thời điểm năm 1990, chênh lệch thứ hạng theo giá trị của GDP/người và HDI là 30 (147/117), năm 2006 là 27 (132/105), đến năm 2012 chỉ còn 9 (136/127); (ii) so với nhiều nước trong khu vực, Việt Nam có mức độ thấp hơn khá nhiều, ví dụ: Hàn Quốc (+15), Phi-líp-pin (+11) (Theo bảng 2).

Nhìn chung chỉ số phát triển con người của Việt Nam chưa thực sự bền vững. Báo cáo phát triển con người (UNDP, 2013) cho thấy giá trị HDI của Việt Nam năm 2012 chưa có sự thay đổi so với những năm trước. Việt Nam đứng trong nhóm các nước có mức phát triển con người trung bình và xếp thứ 127 trên 187 nước được khảo sát (năm 2011, Việt Nam xếp thứ 128/187 nước). Điều cần biết là trong khu vực, HDI của Việt Nam vẫn thấp hơn HDI của các nước Trung Quốc, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Phi-líp-pin, chỉ cao hơn Cam-pu-chia và Lào. Cùng với Xin-ga-po, Trung Quốc, Phi-líp-pin, Lào và Cam-pu-chia, xếp hạng HDI của Việt Nam năm 2012 không thay đổi so với năm 2011, trong khi xếp hạng của Thái Lan, In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a đã tăng lên.

Bảng 2: Chỉ số phát triển con người và các chỉ số thành phần – Việt Nam so với một số nước năm 2012

	Xếp hạng HDI	Điểm số HDI	Tuổi thọ bình quân (năm)	Số năm đi học trung bình (năm)	Số năm đi học dự kiến (năm)	Tổng thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người (PPP 2005 \$)	Xếp hạng GNI bình quân đầu người trừ đi xếp hạng HDI	Điểm số HDI ngoài thu nhập
Phát triển con người rất cao								
Na Uy	1	0.955	81,3	12.6	17.5	48,688	4	0.977
Hàn Quốc	12	0.909	80.7	11.6	17.2	28,231	15	0.949
Hồng Kông	13	0.906	83.0	10.0	15.5	45.598	-6	0.907
Xin-ga-po	18	0.895	81.2	10,1	14.4	52,613	-15	0.88
Phát triển con người cao								
Ma-lai-xi-a	64	0.769	74.7	9.5	12.5	13,927	-3	0.775
Phát triển con người trung bình								
Trung Quốc	101	0.699	73.7	7.5	11.7	7,945	-11	0.728
Thái Lan	103	0.690	74.3	6.6	12.3	7,722	-10	0.715
Phi-líp-pin	114	0.654	69.0	8.9	11.7	3,752	11	0.724
In-đô-nê-xi-a	121	0.629	69.8	5.8	12.9	4,154	-3	0.672
Việt Nam	127	0.617	75.4	5.5	11.9	2,970	9	0.686
Lào	138	0.543	63.6	4.6	10.1	2,435	2	0.548
Cam-pu-chia	138	0.543	67.8	5.8	10.5	2.095	9	0.597
Phát triển con người thấp								
Zimbabwe	185	0.327	50.7	1.2	9.2	906	-9	0.327
Công-gô	186	0.304	48.7	3.5	8.5	319	0	0.404

Nguồn: UNDP (2013)

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến HDI của Việt Nam thấp và chưa thực sự bền vững, trong đó sự chậm tiến của giáo dục và y tế đóng vai trò quan trọng. Thời gian qua, Việt Nam đã đạt được bước tiến quan trọng trong việc giải quyết bất cập về y tế và giáo dục. Cụ thể, về y tế, tỷ lệ tử vong bà mẹ và trẻ em dưới một tuổi đã giảm, hầu hết trẻ em đã được tiêm phòng và đa số các ca sinh nở được nhân viên y tế đã qua đào tạo hỗ trợ. Tuy nhiên, trên thực tế, những thành tựu tích cực đã khóa lấp phần nào sự bất bình đẳng dai dẳng giữa các vùng, các nhóm thu nhập. Ví dụ, tỷ lệ trẻ còi xương và suy dinh dưỡng, tỷ lệ tử vong của các bà mẹ ở nông thôn và miền núi cao hơn 2-3 lần so với thành thị. Trên thực tế, có tới 3,7% số hộ gia đình đã quay trở lại tình trạng nghèo đói do phải chi quá nhiều cho chăm sóc sức khỏe.

Về giáo dục, chỉ số phát triển giới GDI cho thấy vẫn còn khoảng cách giới trong giáo dục ở các tỉnh nghèo nhất. Ở một số tỉnh, tỷ lệ người lớn biết chữ là nữ thấp hơn 20-30% so với nam. Ví dụ, ở Lai Châu, tỷ lệ này của nữ là 48% so với 75,5% của nam. Tương tự, ở một số tỉnh, khoảng cách giới trong tỷ lệ nhập học chung là 30%. Báo cáo năm nay cũng cho thấy, chi tiêu công cho giáo dục ở Việt Nam ở mức tương đương so với đa số các nước khác trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á. Năm 2008, chi tiêu công cho giáo dục là 5,3% GDP, chiếm 20% chi tiêu chung của Nhà nước. Tuy nhiên, kết quả giáo dục của Việt Nam còn kém so với các nước láng giềng - cả về số năm đi học trung bình và số năm đi học kỳ vọng. Bên cạnh đó, khoảng một nửa chi tiêu chung cho giáo dục là từ hộ gia đình, tùy thuộc vào cấp học và tăng mạnh ở những cấp học cao hơn. Trong khi ở cấp tiểu học, chi tiêu của hộ gia đình chiếm 17,5% tổng chi tiêu thì ở cấp đại học, con số này tăng lên đến 52,2% (Lâm Vũ, 2011).

Ngoài ra, có sự khác biệt vùng miền và địa lý, trong đó đặc biệt là tình trạng bất bình đẳng giới và đói nghèo đa chiều. Hiện tỷ lệ đại biểu nữ tham gia Quốc hội mới trên 24%, giảm 3% so với Quốc hội khóa trước, tỷ lệ nam có trình độ trung học trở lên vẫn cao hơn nữ (28% và 24,7%). Điều này cho thấy Việt Nam cần thúc đẩy bình đẳng giới, tăng cường tiếng nói và sự tham gia của người dân, đối mặt với các thách thức về môi trường và kiểm soát những thay đổi về nhân khẩu (Việt Nam đạt thành tựu về phát triển con người, 2013).

Như vậy, để HDI Việt Nam tăng nhanh hơn trong

thời gian tới, cùng với việc giữ vững mức tăng tuổi thọ thì các chỉ báo về giáo dục và đặc biệt là thu nhập (GNI) phải có sự tăng trưởng đột biến. Điều đó đòi hỏi Chính phủ cần tập trung các nỗ lực phát triển kinh tế, giáo dục, dân số, sức khỏe để nâng cao đời sống nhân dân.

4. Các định hướng chính sách nhằm phát triển con người ở Việt Nam

Để đẩy nhanh tốc độ phát triển con người ở Việt Nam thông qua chỉ số HDI, từ góc độ nhà nước cần có định hướng một số chính sách sau:

Thứ nhất, Đề cao và ưu tiên đầu tư vào con người hơn so với phát triển kinh tế. Con người là tài sản thực sự của quốc gia do vậy Nhà nước cần ưu tiên và đầu tư xây dựng năng lực, khả năng và sự lựa chọn của người dân, cũng như cải thiện các kết quả phát triển con người ngang mức với ưu tiên nâng cao GDP trên đầu người hàng năm.

Thứ hai, Tạo sự bình đẳng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội chất lượng cao. Sự khác biệt trong tiếp cận các dịch vụ xã hội có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tiến trình đi lên mức phát triển con người cao hơn của Việt Nam và về lâu dài có thể gây bất ổn xã hội. Bằng việc tạo cơ hội cho người dân phát triển năng lực và khả năng của mình và cải thiện phúc lợi, đồng thời đảm bảo các kết quả bình đẳng hơn giữa các nhóm kinh tế xã hội và giữa các khu vực, tiếp cận toàn dân với các dịch vụ xã hội chất lượng cao có thể giúp hạn chế bất bình đẳng và chênh lệch gia tăng như hiện nay.

Thứ ba, Cần một cách tiếp cận mới về an sinh xã hội. Các dịch vụ xã hội có chất lượng và nằm trong khả năng chi trả của người dân và một hệ thống an sinh xã hội toàn diện là nền tảng cho một xã hội ổn định và thịnh vượng và là điều kiện tiên quyết để cải thiện phát triển con người. Đảm bảo mọi công dân có quyền tiếp cận an sinh xã hội và các dịch vụ xã hội có chất lượng là dấu ấn đánh giá một xã hội và một nền kinh tế thành công.

Thứ tư, Tăng cường quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng dịch vụ. Ở cấp hành chính và trong các tổ chức cung cấp dịch vụ, quản lý nhà nước mạnh hơn, giám sát và tăng cường trách nhiệm giải trình đối với các dịch vụ công và các tổ chức cung cấp dịch vụ công là điều mấu chốt, đặc biệt trong bối cảnh phân cấp về ngân sách và quản lý dịch vụ xã hội.

Thứ năm, Lập kế hoạch cho tương lai. Nhà nước

cần chủ động xây dựng kế hoạch về những loại hình dịch vụ xã hội mà một quốc gia phát triển nhanh với nhiều nhu cầu khác nhau cần để có thể ứng phó với những thay đổi về nhân khẩu, môi trường và kinh tế xã hội, đồng thời đáp ứng được những kỳ vọng và mong muốn của người dân Việt Nam trong tiến trình đi lên mức phát triển con người cao hơn.

Kết luận

Như vậy, phát triển con người cần được nhìn nhận trên phạm vi rộng hơn phạm vi phát triển kinh

tế. Để đạt được mục tiêu phát triển con người, xã hội cần tạo ra một môi trường để người dân có khả năng phát huy đầy đủ khả năng lao động và sự sáng tạo để đáp ứng các nhu cầu và lợi ích của mình. Đồng nhiên, việc nâng cao thu nhập có ý nghĩa hết sức quan trọng để mở rộng sự lựa chọn, song đó không phải là yếu tố duy nhất. Tăng trưởng kinh tế là phương tiện, song người dân cần có tri thức, kỹ năng, sức khỏe, hòa bình, được tiếp cận với hệ thống tư pháp và tự do sống trong cuộc sống mà họ lựa chọn. □

Tài liệu tham khảo:

- Dịch vụ xã hội phục vụ phát triển con người: Báo cáo quốc gia về phát triển con người năm 2011* (2012), truy cập ngày 06 tháng 6 năm 2014, từ http://www.vn.undp.org/content/vietnam/vi/home/library/democratic_governance/Social-services-for-human-development-Viet-Nam-Human-Development-Report-2011/
- Lâm Vũ (2011), *Chỉ số phát triển con người của Việt Nam: Chưa thực sự bền vững*, truy cập ngày 06 tháng 6 năm 2014, từ <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Xa-hoi/529980/chua-thuc-su-ben-vung>
- Ngô Thăng Lợi (2012), *Giáo trình Kinh tế phát triển*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
- Nguyễn Thị Nga (2011), *Phát triển con người toàn diện ở Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XXI*, truy cập ngày 06 tháng 6 năm 2014, từ <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2011/1174/Phat-trien-con-nguoi-toan-dien-o-Viet-Nam-nhung-thap-nien.aspx>
- UNDP (1990), *Human Development report 1990*, truy cập ngày 06 tháng 6 năm 2014, từ <http://hdr.undp.org/en/reports/global/hdr1990>
- UNDP (2011), *Human Development report 2011. Sustainability and Equity: A better future for all*, truy cập ngày 06 tháng 6 năm 2014, từ <http://hdr.undp.org/en/content/human-development-report-2011>
- UNDP (2013), *Human Development Report 2013. The rise of the South: Human Progress in a diverse world*, truy cập ngày 06 tháng 6 năm 2014, từ <http://hdr.undp.org/en/2013-report>
- Việt Nam đạt thành tựu về phát triển con người (2013)*, truy cập ngày 06 tháng 6 năm 2014, từ <http://www.bao-moi.com/Viet-Nam-dat-thanh-tuu-ve-phat-trien-con-nguoi/122/11389566.epi>

Human Development Index (HDI) and human development in Vietnam

Abstract:

The first national Human Development Report (HDR) published by UNDP in 1990 offered a new method to assess the overall level of human development in a society. Human Development Index (HDI) is a unified index measuring the socio-economic objectives, reflecting all the aspects of life. HDI indicates not only the average fundamental capacity of human that a country achieves, but also determines whether people have a longeval, healthy, educated life and enjoy a decent standard of living or not. This paper presents the nature and content of HDI and analyzes the index of Vietnam in comparison with other countries in the region and in the world.

Thông tin tác giả:

***Đặng Thị Kim Thoa, thạc sĩ**

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế quốc dân

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: kimthoa_hc@yahoo.com